

Số: 06/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững,
tỉnh Tuyên Quang năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX
KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội
Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền
vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ
Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng
Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai
đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng
Chính phủ Phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi
ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng
Chính phủ Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung
ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục
tiêu quốc gia;*

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Tuyên Quang;

Xét Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang năm 2023, như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giao năm 2023: 264.822 triệu đồng; trong đó:

1.1. Vốn ngân sách trung ương: 257.108 triệu đồng; trong đó:

a) Vốn đầu tư phát triển: 112.449 triệu đồng.

b) Vốn sự nghiệp: 144.659 triệu đồng.

1.2. Vốn đối ứng ngân sách địa phương: 7.714 triệu đồng.

a) Vốn đầu tư phát triển: 3.374 triệu đồng

b) Vốn sự nghiệp: 4.340 triệu đồng.

2. Phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023

2.1. Phân bổ chi tiết theo các dự án thành phần của Chương trình, gồm:

a) Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo: 101.959 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách trung ương: 98.030 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 89.118 triệu đồng, vốn sự nghiệp 8.912 triệu đồng); Vốn đối ứng ngân sách địa phương: 3.929 triệu đồng (vốn đầu tư: 2.674 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 1.255 triệu đồng).

b) Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (*vốn sự nghiệp ngân sách trung ương*): 44.399 triệu đồng.

c) Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (*vốn sự nghiệp ngân sách trung ương*): 24.425 triệu đồng.

d) Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: 62.887 triệu đồng, trong đó: *Vốn ngân sách trung ương*: 62.187 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển*: 23.331 triệu đồng, *vốn sự nghiệp*: 38.856 triệu đồng); *Vốn đối ứng ngân sách địa phương*: 700 triệu đồng (*vốn đầu tư*).

đ) Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (*vốn sự nghiệp*): 15.425 triệu đồng, trong đó: *Vốn ngân sách trung ương*: 12.340 triệu đồng; *vốn đối ứng ngân sách địa phương*: 3.085 triệu đồng.

e) Dự án 6. Truyền thông và Giảm nghèo về Thông tin (*vốn sự nghiệp ngân sách trung ương*): 6.173 triệu đồng.

g) Dự án 7. Nâng cao năng lực thực hiện chương trình (*vốn sự nghiệp ngân sách trung ương*): 9.554 triệu đồng.

2.2. Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị: 264.822 triệu đồng; trong đó:

2.2.1. *Vốn đầu tư phát triển*: 115.823 triệu đồng (*vốn ngân sách trung ương*: 112.449 triệu đồng, *vốn đối ứng ngân sách địa phương*: 3.374 triệu đồng).

a) Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh: 24.031 triệu đồng, gồm:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 4.187 triệu đồng.

- Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang: 19.844 triệu đồng.

b) Ủy ban nhân dân huyện: 91.792 triệu đồng, gồm:

- Huyện Lâm Bình: 45.896 triệu đồng.

- Huyện Na Hang: 45.896 triệu đồng.

2.2.2. *Vốn sự nghiệp*: 148.999 triệu đồng (*vốn ngân sách trung ương*: 144.659 triệu đồng, *vốn đối ứng ngân sách địa phương*: 4.340 triệu đồng).

a) Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh: 13.920 triệu đồng (*các sở, ngành, đơn vị*: 8.055 triệu đồng, *Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang*: 5.865 triệu đồng).

b) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: 135.079 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Lâm Bình: 32.318,5 triệu đồng.

- Huyện Na Hang: 29.093,5 triệu đồng.

- Huyện Chiêm Hóa: 17.135 triệu đồng.

- Huyện Hàm Yên: 13.014 triệu đồng.

- Huyện Yên Sơn: 20.063 triệu đồng.

- Huyện Sơn Dương: 20.170 triệu đồng.

- Thành phố Tuyên Quang: 3.285 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp phải điều chỉnh, thì sự điều chỉnh không được vượt quá phần kinh phí đã phân bổ cho các dự án thành phần và các huyện, thành phố tại Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề lần thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 02 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Lao động Thương binh và Xã hội;
- Các Văn phòng: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH& HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Nam).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2023									
		Tổng cộng	Trong đó								
			Huyện Lâm Bình	Huyện Na Hang	Huyện Chiêm Hóa	Huyện Hàm Yên	Huyện Yên Sơn	Huyện Sơn Dương	Thành phố Tuyên Quang	Sở ngành cấp tỉnh	Trường Cao đẳng nghề KT-CN Tuyên Quang
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Tổng toàn tỉnh	264.822,0	78.214,5	74.989,5	17.135,0	13.014,0	20.063,0	20.170,0	3.285,0	12.242,0	25.709,0
1	Vốn ngân sách trung ương	257.108,0	74.385,0	71.805,0	17.135,0	13.014,0	20.063,0	20.170,0	3.285,0	12.120,0	25.131,0
	- Vốn đầu tư	112.449,0	44.559,0	44.559,0						4.065,0	19.266,0
	- Vốn sự nghiệp	144.659,0	29.826,0	27.246,0	17.135,0	13.014,0	20.063,0	20.170,0	3.285,0	8.055,0	5.865,0
2	Vốn đối ứng ngân sách địa phương	7.714,0	3.829,5	3.184,5						122,0	578,0
	- Vốn đầu tư	3.374,0	1.337,0	1.337,0						122,0	578,0
	Vốn sự nghiệp	4.340,0	2.492,5	1.847,5							
II	Phân bổ theo từng Dự án cụ thể	264.822,0	78.214,5	74.989,5	17.135,0	13.014,0	20.063,0	20.170,0	3.285,0	12.242,0	25.709,0
1	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	101.959,0	50.979,5	50.979,5							
1.1	Vốn ngân sách trung ương	98.030,0	49.015,0	49.015,0							
	- Vốn đầu tư	89.118,0	44.559,0	44.559,0							
	- Vốn sự nghiệp	8.912,0	4.456,0	4.456,0							
1.2	Vốn đối ứng ngân sách địa phương	3.929,0	1.964,5	1.964,5							
	- Vốn đầu tư	2.674,0	1.337,0	1.337,0							
	- Vốn sự nghiệp	1.255,0	627,5	627,5							

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2023									
		Tổng cộng	Trong đó								
			Huyện Lâm Bình	Huyện Na Hang	Huyện Chiêm Hóa	Huyện Hàm Yên	Huyện Yên Sơn	Huyện Sơn Dương	Thành phố Tuyên Quang	Sở ngành cấp tỉnh	Trường Cao đẳng nghề KT-CN Tuyên Quang
2	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (vốn sự nghiệp)	44.399,0	6.873,0	6.873,0	7.110,0	5.135,0	8.690,0	8.690,0	1.028,0		
	Vốn ngân sách trung ương	44.399,0	6.873,0	6.873,0	7.110,0	5.135,0	8.690,0	8.690,0	1.028,0		
3	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (vốn sự nghiệp)	24.425,0	3.511,0	3.511,0	3.633,0	2.647,0	4.403,0	4.403,0	854,0	1.463,0	
	Vốn ngân sách trung ương	24.425,0	3.511,0	3.511,0	3.633,0	2.647,0	4.403,0	4.403,0	854,0	1.463,0	
4	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	62.887,0	5.477,0	5.477,0	4.272,0	3.700,0	4.379,0	4.486,0	1.090,0	8.297,0	25.709,0
a	Vốn ngân sách trung ương	62.187,0	5.477,0	5.477,0	4.272,0	3.700,0	4.379,0	4.486,0	1.090,0	8.175,0	25.131,0
	- Vốn đầu tư	23.331,0								4.065,0	19.266,0
	- Vốn sự nghiệp	38.856,0	5.477,0	5.477,0	4.272,0	3.700,0	4.379,0	4.486,0	1.090,0	4.110,0	5.865,0
b	Vốn đối ứng ngân sách địa phương	700,0								122,0	578,0
	Vốn đầu tư	700,0								122,0	578,0
5	Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (vốn sự nghiệp)	15.425,0	9.325,0	6.100,0							
	Vốn ngân sách trung ương	12.340,0	7.460,0	4.880,0							
	Vốn đối ứng ngân sách địa phương	3.085,0	1.865,0	1.220,0							
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (vốn sự nghiệp)	6.173,0	741,0	741,0	766,0	554,0	937,0	937,0	114,0	1.383,0	
	Vốn ngân sách trung ương	6.173,0	741,0	741,0	766,0	554,0	937,0	937,0	114,0	1.383,0	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (vốn sự nghiệp)	9.554,0	1.308,0	1.308,0	1.354,0	978,0	1.654,0	1.654,0	199,0	1.099,0	
	Vốn ngân sách trung ương	9.554,0	1.308,0	1.308,0	1.354,0	978,0	1.654,0	1.654,0	199,0	1.099,0	

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2023				
		Tổng cộng	Trong đó			
			Huyện Lâm Bình	Huyện Na Hang	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang
A	B	1	2	3	4	5
I	Tổng số	115.823,0	45.896,0	45.896,0	4.187,0	19.844,0
	Vốn ngân sách trung ương	112.449,0	44.559,0	44.559,0	4.065,0	19.266,0
	Vốn đối ứng ngân sách địa phương	3.374,0	1.337,0	1.337,0	122,0	578,0
II	Phân bổ theo từng dự án cụ thể	115.823,0	45.896,0	45.896,0	4.187,0	19.844,0
1	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	91.792,0	45.896,0	45.896,0		
	Vốn ngân sách trung ương	89.118,0	44.559,0	44.559,0		
	Vốn đối ứng ngân sách địa phương	2.674,0	1.337,0	1.337,0		
2	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	24.031,0			4.187,0	19.844,0
	Vốn ngân sách trung ương	23.331,0			4.065,0	19.266,0
	Vốn đối ứng ngân sách địa phương	700,0			122,0	578,0

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2023**
(Kèm theo Nghị quyết số: 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023									
		Tổng cộng	Trong đó								
			Huyện Lâm Bình	Huyện Na Hang	Huyện Chiêm Hóa	Huyện Hàm Yên	Huyện Yên Sơn	Huyện Sơn Dương	Thành phố Tuyên Quang	Sở ngành cấp tỉnh	Trường Cao đẳng nghề KT-CN Tuyên Quang
I	Tổng toàn tỉnh	148.999,0	32.318,5	29.093,5	17.135,0	13.014,0	20.063,0	20.170,0	3.285,0	8.055,0	5.865,0
	Vốn ngân sách trung ương	144.659,0	29.826,0	27.246,0	17.135,0	13.014,0	20.063,0	20.170,0	3.285,0	8.055,0	5.865,0
	Vốn đối ứng ngân sách địa phương	4.340,0	2.492,5	1.847,5							
II	Phân bổ theo từng Dự án cụ thể	148.999,0	32.318,5	29.093,5	17.135,0	13.014,0	20.063,0	20.170,0	3.285,0	8.055,0	5.865,0
1	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo (Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng)	10.167,0	5.083,5	5.083,5							
	Vốn ngân sách trung ương	8.912,0	4.456,0	4.456,0							
	Vốn đối ứng ngân sách địa phương	1.255,0	627,5	627,5							
2	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	44.399,0	6.873,0	6.873,0	7.110,0	5.135,0	8.690,0	8.690,0	1.028,0		
	Vốn ngân sách trung ương	44.399,0	6.873,0	6.873,0	7.110,0	5.135,0	8.690,0	8.690,0	1.028,0		
3	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	24.425,0	3.511,0	3.511,0	3.633,0	2.647,0	4.403,0	4.403,0	854,0	1.463,0	
	Vốn ngân sách trung ương	24.425,0	3.511,0	3.511,0	3.633,0	2.647,0	4.403,0	4.403,0	854,0	1.463,0	
4	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	38.856,0	5.477,0	5.477,0	4.272,0	3.700,0	4.379,0	4.486,0	1.090,0	4.110,0	5.865,0
	Vốn ngân sách trung ương	38.856,0	5.477,0	5.477,0	4.272,0	3.700,0	4.379,0	4.486,0	1.090,0	4.110,0	5.865,0
5	Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	15.425,0	9.325,0	6.100,0							
	Vốn ngân sách trung ương	12.340,0	7.460,0	4.880,0							
	Vốn đối ứng ngân sách địa phương	3.085,0	1.865,0	1.220,0							
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	6.173,0	741,0	741,0	766,0	554,0	937,0	937,0	114,0	1.383,0	
	Vốn ngân sách trung ương	6.173,0	741,0	741,0	766,0	554,0	937,0	937,0	114,0	1.383,0	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	9.554,0	1.308,0	1.308,0	1.354,0	978,0	1.654,0	1.654,0	199,0	1.099,0	
	Vốn ngân sách trung ương	9.554,0	1.308,0	1.308,0	1.354,0	978,0	1.654,0	1.654,0	199,0	1.099,0	